

Số 54 KH - MNPL

Phu Luông, ngày 15 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2021-2022

I. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ công văn số 97/QĐ-PGDĐT ngày 4 tháng 2 năm 2021 QĐ về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo các trường năm 2021 (năm học 2021-2022)

Căn cứ Quyết định số 1796/QĐ-UBND, ngày 20/8/2021 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện Điện Biên;

Căn cứ công văn số 953/HD PGDĐT ngày 21 tháng 8 năm 2021 về việc hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng năm học 2021-2022;

Căn cứ công văn 931/PGDĐT ngày 27 tháng 8 năm 2021 của phòng giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ khảo thí và kiểm định chất lượng;

Thực hiện Quyết định số: 2038/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của UBND huyện Điện Biên VV QĐ về việc giao số lớp, số học sinh, giao biên chế (số lượng người làm việc) và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo ND 161/2018/NĐ-CP cho các đơn vị trường học thuộc Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên năm học 2021-2022;

Căn cứ kế hoạch số 371/PGDĐT- CM ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường;

Căn cứ công văn số 968 /PGDĐT- GDMN ngày 01 tháng 9 năm 2021 của phòng giáo dục và đào tạo về kế hoạch kiểm tra năm học 2021-2022;

Căn cứ kế hoạch số 29/ KH- MNPL ngày tháng 9 năm 2021 của trường mầm non xã Phu Luông về phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 551/KH-UBND ngày 13/4/2021 về việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Kế hoạch tối ưu Việt Nam.

Trường mầm non xã Phu Luông xây dựng Kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2021-2022 cụ thể như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thực trạng của nhà trường

* Về quy mô trường lớp, học sinh:

- Tổng số lớp: 10 lớp, trong đó nhóm trẻ 1 lớp (1 nhóm 24-36 tháng) MG: 9 lớp (3 lớp đơn,

- Học sinh hộ nghèo: 100 (trong đó MG: 78 Nhà trẻ: 22), cận nghèo: 27

- Học sinh khuyết tật học hoà nhập: 0

* Về đội ngũ:

- Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên 19 đồng chí trong đó:

- CBQL: Trình độ chuyên môn Đại học 1 đồng chí.

- Giáo viên giảng dạy: 15 Đ/c trong đó: Nữ 15; Dân tộc: 11; Trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn: 15/15.

- Nhân viên: 3 Đ/c (Trong đó ĐH: 1, TC: 1, Chưa qua đào tạo: 01 nhân viên bảo vệ)

- Có 3 tổ chuyên môn: Tổ nhà trẻ - MG Đơn; Tổ MG Ghép ; Tổ văn phòng.

* Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Phòng học: có 10 phòng trong đó: Kiên cố: 10. Bán kiên cố 0.

- Trung tâm và 7 điểm trường có sân chơi lát xi măng , có hàng rào bao quanh, có bếp ăn bán trú.

- Trung tâm có các phòng chức năng như: Phòng nghệ thuật, văn phòng , Phòng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và các phòng nhân viên.

- Trung tâm và các điểm bản có công trình vệ sinh đạt chuẩn và có nguồn nước sạch sử dụng: Giếng khoan, nước sạch, nước máy... sử dụng.

- Học sinh học 2 buổi/ ngày, ăn bán trú: 174/174 học sinh.

2. Thuận lợi, khó khăn

a. Thuận lợi

- Nhà trường luôn được sự quan tâm sâu sát của UBND Huyện Điện Biên, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên, sự quan tâm của Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Phú Lương , các cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn và sự ủng hộ của các trưởng bản và đông đảo các bậc cha mẹ học sinh trong địa bàn xã.

- BGH GV nhà trường đã có kinh nghiệm trong quản lý chỉ đạo cũng như giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ chung của ngành và của trường giao phó.

- Nhà trường có đội ngũ giáo viên trẻ, tâm huyết, có năng lực, đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp trường.

- Đời sống nhân dân đã có phần được nâng lên do đó việc học tập của các cháu học sinh đã được quan tâm nhiều hơn.

- Cơ sở vật chất của nhà trường về cơ bản đã được ổn định, đặc biệt là các lớp học và công trình vệ sinh kiên cố, khang trang sạch đẹp với một lượng lớn trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi tương phục vụ cho việc dạy và học.

b. Khó khăn

- Đội ngũ: Đội ngũ nhiều giáo viên đang trong thời kỳ thai sản và nuôi con nhỏ ảnh hưởng việc tập trung đầu tư cho chuyên môn.

- Một số điểm trường xa trung tâm, giao thông đi lại không thuận tiện nhất là vào mùa mưa do vậy ảnh hưởng tới việc duy trì số lượng trẻ ra lớp như điểm trường Lọng Ngua, C5.

- Công tác XHH GD: Trình độ dân trí mặt bằng chung của nhân dân còn thấp, đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn do đó việc huy động trẻ ra lớp còn chậm.

- Nhận thức của trẻ mới ra lớp còn chậm, không đồng đều 174/223 chiếm 79,8% trẻ là con em dân tộc thiểu số, vốn tiếng phổ thông còn ít.

- Còn thiếu một số phòng ngủ theo quy định để được công nhận trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục mức 2.

III. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM HỌC 2021-2022

1. Huy động và duy trì số lượng trẻ huy động trẻ:

- Thực hiện đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch giao với tổng số lớp: 10 lớp; Tổng số học sinh; 190, trong đó Mẫu giáo: 9 lớp 140 học sinh; nhà trẻ: 1 lớp 50 học sinh. Tổng số trẻ nhà trẻ huy động 50/100 đạt 50%. MG huy động 141/140 đạt 100%. Riêng trẻ 5 tuổi trên địa bàn ra lớp: 50/50 trẻ đạt 100%.

- Duy trì trẻ từ đầu năm đến cuối năm đạt $191/190=100\%$, không có học sinh bỏ học. Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần: $187/191$ đạt 97,9%.

2. Chất lượng chăm sóc- giáo dục trẻ

** Chất lượng chăm sóc*

100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần không có trường hợp xảy ra tai nạn thương tích.

100% trẻ được tổ chức ăn bán trú tại trường và được học 2 buổi/ ngày, được cân đo, khám sức khỏe định kỳ 4 lần/ năm học và được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng. Cụ thể:

Tổng số trẻ được theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng: $191/191$ trẻ đạt 100%.

Tổng số trẻ cân nặng ở kênh bình thường: $185/191$ trẻ đạt tỉ lệ: 96,9%; Suy dinh dưỡng nhẹ cân: $6/191$ trẻ còn 3,1%.

Tổng số trẻ chiều cao ở kênh bình thường: $183/191$ trẻ đạt tỉ lệ: 95,8%; Suy dinh dưỡng thể thấp còi: $8/191$ trẻ còn 4,2%.

** Chất lượng giáo dục*

100% trẻ được giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non và được học 2 buổi/ ngày.

100% trẻ dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng việt.

100% trẻ 5 tuổi được giáo dục đạt các mục tiêu được giáo dục làm quen với việc học đọc học viết. Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non 50/50 trẻ đạt 100%. Cụ thể:

- Kết quả kiểm tra chất lượng trẻ cuối các chủ đề: Chất lượng các mục tiêu ở cuối các chủ đề, các mục tiêu đạt từ 85% trở lên.

- Trẻ nhà trẻ: đánh giá tròn tháng theo quy định: 50/50 trẻ.

+ Bé an toàn: 191/191 trẻ đạt 100%

+ Bé chăm: 187/191 đạt 97,9%.

+ Bé sạch: 187/191 đạt 97,9%.

+ Bé ngoan: 187/191 đạt 97,9%.

*** Kết quả các cuộc thi của trẻ:**

- Giao lưu "Tài năng tuổi thơ" của bé cấp huyện: Trường đạt giải Nhì tiết mục đơn ca, giải. Giải ba: Thể loại Vẽ...

3. Công tác PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác PCGDMNTT trên địa bàn được phân công phụ trách tích cực tham mưu với chính quyền địa phương xây dựng và hoàn thiện các điều kiện xã công nhận duy trì đạt chuẩn PCGDMNTT.

- Đảm bảo tỉ lệ trẻ huy động theo chỉ tiêu đề ra, duy trì đạt phổ cập năm 2020, Đồ dùng thiết bị theo thông tư cho trẻ 5 tuổi đảm bảo.

4. Chất lượng đội ngũ giáo viên

- Giáo viên giảng dạy đúng Chương trình giáo dục mầm non.

- Quán triệt tốt tư tưởng giáo viên, giáo viên làm tốt công tác chuyên môn, giáo viên soạn giảng đầy đủ đúng tiến độ chương trình, đảm bảo ngày giờ công.

Kết quả cuối năm: Xếp loại chuyên môn: Giỏi: 9 đ/c, khá: 2 đ/c, TB: 4 đ/c, yếu: 0

+ Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: 4/15 đ/c đạt 26,7%

+ Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 9/15 đ/c đạt 60%.

+ Giáo viên dạy khá: 2/15 đ/c đạt 13,3%

+ Giáo viên trung bình: 4/15 đ/c đạt 26,7%

Kết quả kiểm tra nội bộ:

- Kiểm tra toàn diện: 8/15 đ/c: Tốt: 2 đ/c, khá 4 đ/c, Đạt: 2 đ/c.

- Kiểm tra chuyên đề: 12/15 đ/c: Tốt: 5 đ/c, khá: 5 đ/c, Đạt: 2 đ/c.

- Xếp loại đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp cuối năm: Xuất sắc: 3, Khá: 7, Đạt: 5.

- Xếp loại thi đua cuối năm đội ngũ:

Chiến sĩ thi đua: 1/19 đạt 5,3%

Lao động tiên tiến: 13/19 đ/c đạt 68,4%

Hoàn thành nhiệm vụ: 3/19 đ/c đạt 15,8%

KHTNV: 0

5. Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và xây dựng trường đạt Chuẩn Quốc gia

- Hoàn thiện, lưu giữ minh chứng theo từng năm.
- Nhà trường được thẩm định và công nhận duy trì đạt chuẩn mức độ 1 năm 2015 và thẩm định lại năm 2020.
- Trường được đánh giá chất lượng giáo dục đạt mức độ 2.

6. Kết quả thi đua

- Thi đua: + Tập thể: UBND huyện Điện Biên công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến
- + Cá nhân: CSTĐ: 01 đồng chí; LĐTT: 16; đồng chí. HTNV: 3
- Khen thưởng:
- + UBND huyện tặng giấy khen : 3 đồng chí.
- + UBND huyện giấy khen tặng tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

IV. CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2021-2022

1. Thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua

a. Chỉ tiêu:

- 100% thực hiện nghiêm túc, hiệu quả cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- 100% CBGVNV nói không với bạo lực học đường
- 100% thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử trong trường.
- Trường xếp loại xuất sắc trường học thân thiện học sinh tích cực
- 100% giáo viên nêu cao tinh thần học tập mỗi thầy cô là một tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo.

b. Nhiệm vụ và giải pháp:

- Nâng cao chất lượng thực hiện có hiệu quả chỉ thị 05- CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tăng cường nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm trong các trường mầm non. Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; Tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo.

- Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua với chủ đề "Đổi mới sáng tạo trong dạy và học", đưa nội dung của cuộc vận động "Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học, tự sáng tạo" và phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" thành các hoạt động thường xuyên, tự giác trong nhà trường. Đẩy mạnh tích hợp nội dung giáo dục văn hóa truyền thống,

bản sắc văn hóa của địa phương vào các hoạt động giáo dục trẻ phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non.

2. Quy mô trường lớp; huy động và duy trì số lượng trẻ

2.1. Chỉ tiêu:

* Chỉ tiêu kế hoạch giao: 10 lớp: 182 học sinh, 1 lớp nhà trẻ: 60 học sinh, 9 lớp mẫu giáo: 122 học sinh.

- Duy trì số lượng trẻ học từ đầu năm đến cuối năm học đạt 100%. Đảm bảo tỉ lệ trẻ đi học chuyên cần đạt 98%.

* Thực hiện: 10 lớp: 183 học sinh; Trong đó: Nhà trẻ: 1 lớp: 60 học sinh, Mẫu giáo: 9 lớp: 123 học sinh, Trẻ 5 tuổi: 7 lớp: 47 học sinh. (trong đó học sinh địa bàn đi học nơi khác: 9 trẻ (MG 7, NT 2); H/S từ nơi khác đến học nhờ: 14 trẻ- (trong đó MG 11 trẻ, NT 3 trẻ).

- Tỷ lệ huy động trẻ: Huy động trẻ trên địa bàn:

Huy động 0-5 tuổi: 179/239 trẻ đạt 74,9% (trong đó có 9 trẻ đi học địa bàn khác)

Huy động 0-2 tuổi: 60/120 trẻ đạt 50%, (Có 3 trẻ học nhờ)

Huy động trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi địa bàn 122/123 trẻ đạt 100%, (7 trẻ đi học nơi khác), 11 trẻ nơi khác đến học tại trường, trẻ 5 tuổi: 47/47 đạt 100%

2.2 Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển quy mô trường lớp, phù hợp với yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục của xã, đảm bảo thuận lợi cho trẻ đến trường.

- Bám sát kế hoạch chỉ tiêu của huyện về việc huy động trẻ các độ tuổi ra lớp đến từng thôn, đội, bản, phân đầu đạt các chỉ tiêu giao, đặc biệt đẩy mạnh các giải pháp huy động trẻ nhà trẻ ra lớp; sắp xếp nhóm, lớp, số trẻ/nhóm, lớp một cách linh hoạt, đúng quy định.

- Giao số lượng trẻ cho từng giáo viên chủ nhiệm, chăm sóc giáo dục trẻ chu đáo, đảm bảo an toàn tuyệt đối tính mạng trẻ để cha mẹ trẻ yên tâm trong thời gian gửi con ở trường.

- Tham mưu với UBND xã giao chỉ tiêu huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đến từng bản, đội.

- Làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của cha mẹ trẻ, chính quyền địa phương và cộng đồng trong việc phối hợp với nhà trường huy động trẻ ra lớp và duy trì tỷ lệ trẻ chuyên cần.

3. Chất lượng chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng – giáo dục trẻ

3.1 Công tác đảm bảo an toàn cho trẻ

a. Chỉ tiêu:

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần.
- 100% trẻ được đảm bảo an toàn phòng chống dịch covid-19.

- Trường được công nhận trường học AT-PCTN thương tích.

b. Nhiệm vụ, giải pháp

- Thực hiện nghiêm túc nghị định 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính Phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; chỉ thị 505/CT - BGDDT ngày 20/2/2017 của bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo về việc tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn trong các cơ sở giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, đánh giá các trường mầm non trong việc thực hiện thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15/4/2010 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN nhằm kịp thời phát hiện các yếu tố, nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ và có các biện pháp khắc phục;

Thực hiện kế hoạch triển khai Phòng, chống dịch số 462 /KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của UBND huyện Điện Biên.

Thực hiện Quyết định số 19 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Đảng ủy xã Phu Luông về việc Thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống dịch covid-19 trên địa bàn xã Phu Luông năm 2021.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch năm 2021.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ trẻ trong công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. Tuyên truyền rộng rãi số điện thoại của tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em gọi 111. Tập huấn, hướng dẫn phòng chống bạo lực học đường, chú trọng hướng dẫn giáo viên xử lý các tình huống sự phạm, đảm bảo an toàn cho trẻ trong trường mầm non.

Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường qua Camera giám sát để ngăn chặn và phát hiện những hành vi bạo lực học đường.

3.2. Công tác chăm sóc sức khỏe và nuôi dưỡng cho trẻ

a. Chỉ tiêu

- Trẻ được ăn ngủ bán trú tại trường cụ thể: 183/183 đạt 100%.
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng xuống còn từ 3.1%.
- 100% trẻ được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và khám chuyên khoa 1 đến 2 lần/ năm.

- Phần đầu về Cân nặng: Kênh bình thường 175/183 trẻ đạt 95,6%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 7/183 chiếm 3,8%. Về Chiều cao: Kênh bình thường 174/183 trẻ đạt 95,1%; Suy dinh dưỡng thể thấp còi 9/183 trẻ chiếm 4,4%

Trong đó: + trẻ nhà trẻ: Cân nặng bình thường 55/60 trẻ đạt 91,7%

- Bé an toàn: 183/183 đạt 100%; Bé chăm: 175/183 đạt 95,6%, Bé ngoan: 175/183 đạt 95,6%, Bé sạch: 183/183 trẻ đạt 100%.

b. Nhiệm vụ và giải pháp

- Thực hiện nghiêm túc nghị định 06/2019/ NĐ- CP ngày 5/1/2019 quy định về chính sách ăn trưa với trẻ mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non.

- Tuyên truyền, vận động cha mẹ trẻ để lại toàn bộ kinh phí ăn trưa cho trẻ tại trường để tổ chức bữa ăn cho trẻ có sự giám sát chặt chẽ của hội phụ huynh.

- Vận dụng linh hoạt các nguồn hỗ trợ của trẻ để tổ chức bán trú cho trẻ. - Tổ chức hợp đồng nấu ăn, hợp đồng mua bán thực phẩm đảm bảo đúng quy trình và hướng dẫn.

- Nhà trường tổ chức giám sát chặt chẽ chất lượng bữa ăn, dinh dưỡng bữa ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đảm bảo khẩu phần ăn và chế độ ăn cho trẻ theo đúng độ tuổi .

- Huy động mọi nguồn lực duy trì, nâng cao tỷ lệ trẻ được ăn bán trú tại trường đạt 100%; Xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng, hợp lý, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định của Chương trình GDMN.

- Quan tâm đầu tư xây cải tạo, bổ sung thiết bị cho bếp ăn bán trú tại trường chính và các điểm trường đảm bảo theo quy trình "Bếp một chiều". Thực hiện tốt các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tăng cường quản lý chất lượng bữa ăn của trẻ ở trường/điểm trường; thực hiện nghiêm túc việc công khai thu - chi, định mức bữa ăn của trẻ hàng ngày tại trường chính và điểm trường.

- Thực hiện tốt quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và lưu mẫu thức ăn theo đúng quy định tại quyết định số 1246/ QĐ- BYT ngày 3/1/2017 của Bộ y tế về việc hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ bếp ăn tập thể nhà trường.

- Phân công 1 BGH phụ trách công tác bán trú giám sát quy trình tổ chức nấu ăn bán trú, thực hiện nghiêm túc quy định nhập xuất thực phẩm, công khai thực đơn ăn của trẻ, thực hiện nghiêm túc chấm công, báo cơm, ưu tiên sử dụng thực phẩm tươi mới, sạch, có sẵn tại địa phương, thực hiện công khai thu chi tài chính trong ngày.

- Phối hợp với trung tâm y tế xã có các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho trẻ .

- Đảm bảo đúng quy định tại thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học. Báo cáo chính xác số liệu trẻ suy dinh dưỡng, tránh bệnh thành tích. Đảm bảo 100 % trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của tổ chức y tế thế giới(Cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi; cân nặng theo chiều cao (trẻ từ 1-60 tháng) hoặc BMU theo tuổi (61 đến 78 tháng)

- Rà soát, cập nhật các tiêu chuẩn về sinh dưỡng theo quy định của chương trình GDMN.

- Tăng cường các thiết bị y tế trong nhà trường để trẻ được chăm sóc, phát hiện, sơ cứu trẻ kịp thời. Tổ chức cân đo, theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ 3 lần/ năm, phối hợp với trạm y tế xã tiến hành khám chuyên khoa 1-2 lần/ năm cho trẻ, Phòng chống dịch bệnh theo mùa, ngộ độc thực phẩm, khám bệnh và uống Vacxin theo quy định.

- Kiểm nghiệm mẫu nước đảm bảo an toàn trước khi đưa vào sử dụng.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 882/KH-SGDĐT ngày 03/5/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản giai đoạn 2019-2025 ngành giáo dục và đào tạo

3.3. Chất lượng giáo dục

a. Chỉ tiêu :

- 98% trẻ đi học chuyên cần
- 100% bé đạt Bé khỏe- Bé ngoan
- 100% trẻ học 2 buổi trên ngày
- 100% trẻ nhà trẻ được đánh hàng ngày, đánh giá giá tròn tháng và 95 % trẻ đạt các mục tiêu cuối độ tuổi.
- 100 % trẻ được đánh giá hàng ngày, đánh giá các chủ đề và 95 % trẻ đạt các mục tiêu cuối độ tuổi.

b. Nhiệm vụ và giải pháp

- Lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức lồng ghép, tích hợp nội dung " Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" phù hợp với đối tượng trẻ, đẩy mạnh tích hợp nội dung giáo dục văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa địa phương vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Thực hiện chuyên đề Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm: Giáo viên thiết kế các góc chơi phù hợp theo lĩnh vực phát triển và độ tuổi của trẻ, chuẩn bị nguyên học liệu phong phú, đa dạng theo nội dung hoạt động. Khuyến khích GV sử dụng sản phẩm của trẻ trong việc xây dựng môi trường học tập. Để làm được điều này nói thì dễ nhưng thực hiện thì khó, nhất là các trường ở vùng sâu, thiếu GV, thiếu CBQL chúng tôi đã giúp GV bằng cách tìm tòi các hình ảnh về môi trường, cách sắp xếp bố trí góc chơi theo độ tuổi, chuyển mail, chuyển zalo, tư vấn cách sắp xếp bố trí môi trường qua những lần kiểm tra chuyên môn hoặc kiểm tra trường Chuẩn.

- Trường nằm trên địa bàn khó khăn, một số giáo viên còn bỡ ngỡ trong dạy tiếng Việt cho trẻ. Từ thực tế, nhà trường đã đưa ra những giải pháp kịp thời như chủ động xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho giáo viên, chú trọng xây dựng môi trường tăng cường nghe nói tiếng Việt cho trẻ, huy động sự tham gia của cha mẹ trẻ.

- Hướng dẫn phát triển chương trình giáo dục phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ.

- Tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN tại các lớp ghép. Chú trọng giáo dục lễ giáo, giáo dục vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường cho trẻ.

- Đánh giá sự phát triển của trẻ làm cơ sở cho việc xây dựng và kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ và tình hình thực tế của địa phương.

- Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quyền trẻ em trong các trường mầm non.

- Xây dựng góc thư viện thân thiện trong trường theo hướng tận dụng các khoảng không gian ngoài trời, hành lang... để tạo các góc đọc sách truyện nhằm tăng cơ hội cho trẻ phát triển ngôn ngữ ở trường. Hướng dẫn các bậc cha mẹ lựa chọn sách truyện và dành thời gian đọc sách cho con tại gia đình. Tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non; đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, chú trọng đổi mới môi trường giáo dục tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo.

- Tiếp tục triển khai thực hiện quyết định số 1076/QĐ TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt đề án "Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025".

3.4. Công tác giáo dục dân tộc, giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật

a. Chỉ tiêu:

- 100% trẻ được hưởng đủ các chế độ chính sách theo quy định.
- 100% trẻ dân tộc được giáo dục tăng cường Tiếng Việt.

b. Nhiệm vụ và giải pháp:

- Triển khai thực hiện tốt quyết định số 568/ QĐ-UBND ngày 27/2/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện đề án tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non, tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

- Phối hợp với các ban ngành và cơ quan chuyên môn thực hiện cấp giấy xác nhận khuyết tật cho trẻ.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giúp cộng đồng nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, giúp trẻ có cơ hội thực hiện các quyền của trẻ em và hòa nhập cộng đồng.

- Nhà trường quan tâm đầu tư đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng tăng cường Tiếng Việt: Tập huấn, sinh hoạt chuyên môn...

4. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

a. Chỉ tiêu

- Tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập trẻ 5 tuổi năm 2021
- Huy động và duy trì 100% số lượng trẻ 3-4-5 tuổi ra lớp
- Giảm tỷ lệ SDD cân nặng dưới 5 % và chiều cao không quá 5 %.
- 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình mẫu giáo 5 tuổi
- 100 % các lớp đủ đồ dùng đồ chơi theo thông tư 01
- 100 % Giáo viên dạy lớp 5 tuổi xếp loại khá trở lên.
- 100 % các lớp 5 tuổi có đủ lớp kiên cố, công trình vệ sinh, sân chơi và đồ chơi ngoài trời cho các cháu hoạt động.
- 100 % trẻ hưởng chế độ ăn trưa được sử dụng đúng mục đích.

b. Nhiệm vụ và giải pháp

- Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 23/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện đảm bảo nội dung quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.
- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch số 2463a/KH-UBND ngày 09/12/2016 của UBND huyện Điện Biên về thực hiện phổ cập GD xóa mù chữ giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.
- Tiếp tục làm tốt công tác điều tra và cập nhật số liệu kịp thời, chính xác giữa ba cấp học vào phần mềm phổ cập. Báo cáo định kỳ theo kế hoạch.
- Tuyên truyền vận động phụ huynh sử dụng hiệu quả nguồn chi phí học tập đảm bảo trẻ có đủ đồ dùng dạy học tối thiểu theo định hướng của sở.
- Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chế độ chính sách của trẻ trong năm học 2020-2021 (Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021).
- Tham mưu mua sắm đủ thiết bị đồ dùng, đồ chơi cho trẻ còn thiếu theo thông tư 01, có kế hoạch làm bổ sung đảm bảo đủ đồ dùng đồ chơi theo danh mục theo nhiều hình thức.
- Đảm bảo công trình lớp học, nhà bếp và công trình vệ sinh luôn sạch sẽ, vận động phụ huynh cải tạo nguồn nước để có đủ nước sạch cho trẻ sử dụng

- Tiếp tục quan tâm rà soát, tăng cường các nguồn lực để duy trì và nâng cao chất lượng các chỉ số đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi (PCGDMNTNT) một cách bền vững.

- Thực hiện phổ cập số liệu, báo cáo, khai thác dữ liệu PCGDMNTNT trên hệ thống thông tin điện tử quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo phân cấp quản lý một cách hiệu quả.

- Thực hiện miễn học phí đối với giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ ngày 01/01/2019 theo ND 145/2019/ND- CP

- Thực hiện nghiêm túc nghị định 06/2019/ ND- CP ngày 5/1/2019 quy định về chính sách ăn trưa và với trẻ mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non.

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL và giáo viên, nhân viên

5.1. Về giáo dục tư tưởng, chính trị cho đội ngũ

a. Chỉ tiêu:

- 100% chấp hành các chủ trương của Đảng – Pháp luật của nhà nước, không vi phạm .

- 100 % thực hiện nghiêm túc các cuộc vận động và các phong trào thi đua.

- Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật.

b. Nhiệm vụ và giải pháp:

- Thực hiện chỉ thị số 1228/ CT- BGDDT ngày 15/5/2019 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

- Tiếp tục thực hiện chỉ thị số 05/CTTW của bộ chisnht rị khóa XII và chỉ thị số 27/CT-TTG ngày 8/9/2016 của thủ tướng chính phủ về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, quán triệt các nội dung nghị quyết số 04-NQ/TW. Đưa các nội dung của nghị quyết số 04- NQTV vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của các nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc chỉ thị số 08/CT-TU ngày 30/3/2017 của tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc, nâng cao nhận thức trách nhiệm trong thi hành công vụ của cán bộ, Đảng viên, công chức, viên chức trong nhà trường.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm chỉ thị 37/CT-BGDDT ngày 07/5/2018 của bộ giáo dục và đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

- Định hướng và ngăn chặn việc cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các hoạt động văn hóa thiếu lành mạnh, chia sẻ, cổ súy các thông tin sai trái lệch lạc, các hình ảnh phản cảm trên mạng xã hội.

Tăng cường các giải pháp chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhà giáo, người lao động.

- Đảm bảo công bằng trong thi đua, khen thưởng.

- Nâng cao vai trò, chức năng giám sát của tổ chức công đoàn trong việc bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng hợp pháp, việc thực hiện chính sách đối với cán bộ, giáo viên, học sinh.

5.2. Các hoạt động chuyên môn của giáo viên

a) Chỉ tiêu:

- Số cán bộ quản lý, giáo viên soạn bài trên máy vi tính: 25/25 đạt 100%
- 19/19 CBQLGV: có 2 đề tài sáng kiến được công nhận cấp huyện, 14 đổi mới phương pháp dạy và học.

- 15/15 GV biết soạn bài bằng máy vi tính.

- 16/16 CB-GV được công nhận hoàn thành BDTX năm học 2021-2022.

b) Nhiệm vụ và giải pháp:

- Triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo chuyên môn của ngành, triển khai các quy định về chuyên môn của trường. Tăng cường bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về đạo đức nghề nghiệp, tình thương, trách nhiệm đối với trẻ. Nâng cao năng lực cán bộ quản lý, giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tổ chức học tập các văn bản chỉ thị quy định về chuyên môn, giáo dục pháp luật đầy đủ kịp thời, triển khai thực hiện nghiêm túc.

- Xây dựng đội ngũ cốt cán chuyên môn của trường, đề bạt những người có trình độ, năng lực chuyên môn vững vàng, thực lực giám nghĩ, giám làm tích cực tư duy, tìm tòi sáng tạo ra cái mới, mạnh dạn tự tin, thẳng thắn, trong công tác phê bình góp ý, rút kinh nghiệm cho đồng nghiệp.

- Phát động thi đua gối sóng xuyên suốt cả năm học, sau mỗi đợt thi đua có tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm...

- Tổ chức hội thi cấp trường theo đúng quy trình tổ chức hội thi do phòng GD hướng dẫn. Tiếp tục hoàn thiện bồi dưỡng tham gia thi cấp huyện.

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch nội dung BDTX do bộ giáo dục ban hành, dự giờ học tập rút kinh nghiệm tối thiểu 2 lần/tháng.

Tiếp tục thực hiện đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hình thức nghiên cứu bài học, thực hiện bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch năm học 2021-2022, tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề nhằm chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ những khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

5.3. Đánh giá, xếp loại chuẩn HT, PHT, chuẩn nghề nghiệp GVMN

a) Chỉ tiêu:

- + Hiệu trưởng: đạt Xuất sắc.
- + Giáo viên: Xếp loại Xuất sắc 3/15 đạt 25%, Xếp loại Khá: 7/15 đ/c đạt 46,7 %, Xếp loại Đạt: 5/15 đ/c chiếm 33,3%.

b) Nhiệm vụ và giải pháp:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học, nhiệm vụ chuyên môn, các cuộc vận động và phong trào thi đua cụ thể chi tiết ngay từ đầu năm học.
- Thực hiện nghiêm túc đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và chuẩn Hiệu trưởng, PHT theo hướng dẫn thông tư mới.
- Thu thập và lưu giữ minh chứng từ đầu năm học khoa học.
- Tạo điều kiện và khuyến khích giáo viên, nhân viên tham gia vào các hoạt động để đánh giá khách quan, hiệu quả.
- Bồi dưỡng giáo viên có chuyên môn còn hạn chế.
- Khuyến khích giáo viên tham gia các lớp nâng cao trình độ chuyên môn và bồi dưỡng các nghiệp vụ để nâng cao chất lượng giảng dạy như bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, các chứng chỉ thăng hạng...
- Nhận xét, đánh giá công bằng khách quan để tạo động lực cho cán bộ, giáo viên phấn đấu.
- Tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn dưới nhiều hình thức ,tổ chức chuyên đề, xây dựng các tiết mẫu, thảo luận, tham quan học hỏi... Yếu nội dung nào bồi dưỡng nội dung đó.
- Tăng cường công tác làm đồ dùng đồ chơi tự tạo, đẩy mạnh UDCNTT.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy

a. Chỉ tiêu:

- 100 % các phần mềm được quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả.
- 100 % các CBGVNV biết sử dụng các phần mềm online phù hợp với công việc được giao.
- Có ít nhất 5 tin bài để đăng trên Website của ngành, của sở.
- Có đủ các hồ sơ sổ sách theo quy định.

b. Nhiệm vụ và giải pháp

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ, lưu trữ hồ sơ sổ sách chuyên môn đảm bảo hiệu quả, tránh hình thức, không gây áp lực cho giáo viên.
- Thực hiện đầy đủ các hồ sơ sổ sách theo quy định đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.
- Triển khai rà soát, hoàn thiện cập nhật các dữ liệu về trẻ em, đội ngũ vào phần mềm cơ sở dữ liệu của ngành.
- Cập nhật dữ liệu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

- Nhiệm vụ nhóm cốt cán tin học: Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường. Phụ trách công tác học tập tin học. Phụ trách việc khai thác Internet trong nhà trường. Hướng dẫn giáo viên khai thác Internet trong nhà trường. Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy của giáo viên trong nhà trường.

7. Công tác khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục mầm non

a. Chỉ tiêu:

- Hội thi của trẻ
- + Tổ chức giao lưu cấp trường: 30 % trẻ tham gia và đạt giải từ khuyến khích trở lên.
- + Tham gia giao lưu cấp cụm, cấp huyện theo kế hoạch của ngành, có ít nhất 1 tiết mục đạt giải trở lên.
- Hội thi của cô
- + Đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường: 10/15.
- + Hội thi Tự làm đồ dùng, đồ chơi tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số cấp cụm: đạt giải khuyến khích trở lên.

b. Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hội thi kịp thời để giáo viên chủ động chuẩn bị và rèn luyện, bồi dưỡng.
- Các hội thi, lễ hội, hoạt động trải nghiệm cho trẻ phải đảm bảo an toàn, phù hợp, hiệu quả; tránh những yếu tố gây căng thẳng, áp lực ảnh hưởng đến sự phát triển tâm – sinh lý bình thường của trẻ .
- Quan tâm đến việc đưa nét văn hóa đặc sắc của các dân tộc ở địa phương vào các hội thi, ngày hội, ngày lễ, giao lưu nhằm giáo dục truyền thống và giữ gìn bản sắc các văn hóa dân tộc.
- Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân đặc biệt là cha mẹ trẻ trong việc hỗ trợ, phối hợp tổ chức hội thi, ngày hội, giao lưu cho trẻ.
- Sau mỗi hội thi tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm nghiêm túc. Chú trọng việc đánh giá về hiệu quả, cách thức tổ chức, sự phù hợp của nội dung đối với trẻ.

8. Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và xây dựng trường MN đạt chuẩn quốc gia

a. Chỉ tiêu

- Duy trì đạt chuẩn chất lượng giáo dục mức 2.
- Trường duy trì trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I.

b. Nhiệm vụ và giải pháp

- Thực hiện nghiêm túc thông tư số 19/ TT- BGDĐT ngày 22/8/2019 của bộ GD &ĐT về việc quy định kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Đảm bảo tiến độ thực hiện theo công văn 810/ PGDDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2019 của phòng giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ khảo thí và kiểm định chất lượng.

- Tiếp tục thực hiện tự đánh giá trường mầm non theo tiêu chuẩn và quy trình quy định của bộ giáo dục và đào tạo.

- BGH chủ động tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền về kế hoạch và các biện pháp để nhà trường đạt được chỉ tiêu giáo dục của năm học.

- Xây dựng nội quy, quy chế chuyên môn, quản lý chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật.

- Tăng cường bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng sư phạm cho đội ngũ đáp ứng được thực hiện chương trình GDMN, chuẩn nghề nghiệp GVMN phân đầu có 80 % GV xếp loại chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên.

9. Công tác tuyên truyền về GDMN, xã hội hóa giáo dục

a. Chỉ tiêu:

- 100 % cha mẹ ủng hộ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

- 100 % cha mẹ được tuyên truyền về GDMN.

- Huy động được các tổ chức từ thiện tài trợ giúp đỡ CSVC cho nhà trường.

b. Nhiệm vụ và giải pháp

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới và phát triển GDMN. Phối hợp với các cơ quan báo chí tăng cường thông tin, truyền thông về các hoạt động của nhà trường.

Tăng cường tính chủ động trong công tác tuyên truyền, chú ý tuyên truyền về vai trò, vị trí của GDMN; biểu dương những tấm gương nhà giáo điển hình tiên tiến, phổ biến sáng kiến, đồ dùng, đồ chơi tự làm có chất lượng cao, gương người tốt, việc tốt. Xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện công tác tuyên truyền theo tháng, theo các chủ đề, chuyên mục trong năm học.

Nâng cao chất lượng các góc tuyên truyền tại nhóm, lớp, đảm bảo phong phú về nội dung, hấp dẫn về hình thức, phù hợp với nhận thức của các bậc cha mẹ từng địa phương.

Tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN; phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức phù hợp.

Tích cực tuyên truyền thu hút trẻ khuyết tật đến trường học hòa nhập. Nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ, đội ngũ và cộng đồng về phát hiện sớm, can thiệp sớm trẻ có khó khăn về các lĩnh vực phát triển. Tăng cường phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách về giáo dục khuyết tật cho trẻ và cho giáo viên đến tất cả các địa phương.

Hàng tháng có ít nhất 01 tin bài về hoạt động của trường(gửi về phòng GDMN để biên tập đăng tải trên Website của Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo).

Tiếp tục huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư nguồn lực để phát triển GDMN.

Tích cực nghiên cứu, học hỏi, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới vào GDMN.

10. Xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi

a. Chỉ tiêu:

- Sửa chữa các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị học sinh, Bảng biểu tuyên truyền các hoạt động nhà trường, các lớp, Sửa chữa hệ thống nước trung tâm và điểm trường, Thay hệ thống dây điện và các thiết bị điện hỏng.

- Tu sửa công trình vệ sinh trung tâm và các điểm trường

- Tu sửa các khu vực giếng trời, khu để đồ trở thành phòng ngủ đáp ứng tiêu chuẩn theo thông tư 19.

- 100% các lớp đủ đồ dùng đồ chơi theo thông tư 01.

- 100% Trung tâm và các điểm trường đủ 5 loại đồ chơi ngoài trời trở lên.

b. Nhiệm vụ và giải pháp

- Rà soát thực trạng cơ sở vật chất và nhu cầu thực tế đáp ứng quy mô phát triển mang lưới trường lớp, chú trọng chăm lo CSVN điểm lẻ.

- Sử dụng đúng mục đích có hiệu quả nguồn cấp bù học phí, học phí để sửa chữa cải tạo cơ sở vật chất của nhà trường.

- Huy động tối đa các nguồn đóng góp hỗ trợ của nhân dân và phụ huynh học sinh, các tổ chức xã hội khác, tham mưu với các thôn bản sửa chữa đường đến các điểm trường của nhà trường.

- Đặc biệt chú trọng xây dựng công trình vệ sinh, nguồn nước hợp vệ sinh, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ở các điểm trường lẻ.

- Quản lý chặt chẽ các nguồn thu, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng các loại quỹ đúng mục đích, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường.

11. Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo của ban giám hiệu

11.1. Việc cải cách hành chính, đổi mới quản lý giáo dục

- Việc quản lý hành chính, thời gian, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo điều lệ trường mầm non và thông tư 48.

- Công tác quản lý lưu trữ và sử dụng hồ sơ, sổ sách chuyên môn trong đảm bảo tinh gọn, hiệu quả theo quy định của sở; Không phát sinh thêm hồ sơ sổ sách; rà soát, giảm tải những hồ sơ sổ sách mang tính hình thức, tránh gây áp lực cho cán bộ quản lý và giáo viên.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trường học theo nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội Vụ.

- Công tác công khai theo thông tư số 36/2017/TT/BGDĐT ngày 28/7/2017 về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân: Thực hiện đúng quy định về cam kết chất lượng giáo dục của lớp, công khai về thông tin cơ sở vật chất, công khai về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đầu năm, cuối năm; các giải pháp để thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục các điều kiện về cơ sở vật chất, về đội ngũ cán bộ và giáo viên.

- Việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên và nhân viên: Sắp xếp, bố trí, giao nhiệm vụ, phân công công tác cho cán bộ, viên chức phù hợp với trình độ đào tạo và ngạch của viên chức, đảm bảo các chế độ, chính sách và điều kiện cần thiết để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ.. Thực hiện chủ động bình xét nâng bậc lương cho cán bộ, viên chức trong trường đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định

11.2. Quản lý tài chính

- Thực hiện đúng theo các hướng dẫn về công tác tài chính dựa trên các thông tư, nghị định của Chính Phủ, đặc biệt là Nghị định số 12/2004/NĐ-CP ngày 31-5-2004 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn về các điều khoản thi hành một số điều khoản của Luật kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán nhà nước, nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và thông tư liên tịch số 07/2009-TTLT-BGD&ĐT_BNV hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ , tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường thường xuyên nghiên cứu văn bản và nắm chắc các hướng dẫn về nghiệp vụ tài chính và các văn bản về chế độ chính sách của học sinh để tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên mở sổ theo dõi thu chi, định kỳ thực hiện công khai tài chính.

- Kế toán trưởng và chủ tài khoản tích cực tự học tự bồi dưỡng để thực hiện tốt nhiệm vụ tài chính. Tiếp thu các phần mềm kế toán để làm tốt công tác kế toán trong nhà trường.

11.3 Quản lý tài sản

- Ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản.

- Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm kê tài sản cuối năm và bàn giao tài sản đầu năm.

- Mở sổ sách theo dõi cập nhật thường xuyên. Cử cán bộ phụ trách theo dõi tài sản và có các biên bản cấp phát đầy đủ.

- Kiên quyết xử lý các trường hợp không bảo vệ, quản lý và giữ gìn tài sản chung.

- Sử dụng có hiệu quả các phòng chức năng cùng trang thiết bị dạy học, sách tham khảo của giáo viên và học sinh đã được trang cấp và bổ sung. Đảm bảo thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong sử dụng cơ sở vật chất và các nguồn đóng góp của nhân dân.

- Lập biên bản bàn giao cho các lớp, và bộ phận phục vụ sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, có trách nhiệm sử dụng và tu sửa những hỏng hóc nhỏ, ký cam kết sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị trong các phòng học, quy định sử dụng và bảo quản các trang thiết bị...

11.4 Công tác kiểm tra nội bộ trường học

a. Chỉ tiêu:

- Kiểm tra chuyên đề GV: 12/15 đạt 80%.

- Kiểm tra toàn diện GV: 9/15 đạt 60%

b. Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ nghiêm túc

- Triển khai tới toàn bộ giáo viên, nhân viên nắm bắt và chuẩn bị.

- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ đúng kế hoạch.

- Tư vấn cho cán bộ, giáo viên rút kinh nghiệm sau khi được thanh tra, kiểm tra toàn diện, chuyên đề giúp cho thực hiện các nhiệm vụ về sau được hiệu quả.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá; nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra nội bộ của nhà trường, quan tâm đến việc đôn đốc, thúc đẩy, giúp đỡ đối tượng kiểm tra làm việc hiệu quả hơn.

- Hoàn thiện các minh chứng, biên bản đầy đủ, đúng quy trình.

- Lưu trữ hồ sơ khoa học.

V. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA ĐĂNG KÝ PHẤN ĐÁU TRONG NĂM HỌC 2021-2022

1. Các danh hiệu thi đua

a. Tập thể

+ Tập thể lao động tiên tiến

+ Tập thể lao động Xuất sắc

b. Cá nhân:

+ Chiến sỹ thi đua: 2/19 (chiếm 10,5%);

+ LĐTT: 19/19 (100%);

2. Hình thức khen thưởng:

a. Tập thể: UBND huyện tặng giấy khen.

b. Cá nhân

- UBND huyện tặng giấy khen: 4 đồng chí